

Số: 3344/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày ..18.. tháng ..7.. năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê chuẩn Điều lệ Hội Gồm sứ Bát tràng thành phố Hà Nội,
Nhiệm kỳ III (2011-2016)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Thông tư 11/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2010 qui định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-UB ngày 01 tháng 8 năm 2002 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Hội Gồm sứ Bát Tràng thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Công văn số 1629/SCT-VP ngày 10/6/2011 và Hội Gồm sứ Bát Tràng Hà Nội tại Văn bản ngày 10/4/2011 về việc đề nghị phê chuẩn Điều lệ Hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn Điều lệ Hội Gồm sứ Bát tràng thành phố Hà Nội, nhiệm kỳ III (2011-2016) gồm 8 Chương, 27 Điều, đã được Đại hội Hội Gồm sứ Bát tràng thành phố Hà Nội, nhiệm kỳ III (2011-2016) thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2011.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các sở: Nội vụ, Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Hội Gồm sứ Bát tràng thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- CT, PCT UBND TP;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Lưu VT, CT, VH-KG, SNV.

25



Nguyễn Thị Bích Ngọc

ĐIỀU LỆ

Hội Gồm sứ Bát tràng thành phố Hà Nội nhiệm kỳ III (2011-2016)
(Kèm theo Quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 18/7/2011
của UBND thành phố Hà Nội)

Chương I

TÊN GỌI, TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên Tiếng Việt: **Hội Gồm sứ Bát tràng thành phố Hà Nội.**
2. Tên giao dịch quốc tế:
3. Hội được chọn biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Gồm sứ Bát tràng thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tự nguyện của các hộ gia đình, doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam (sau đây gọi chung là hội viên) thuộc các thành phần kinh tế hoạt động trong ngành nghề gồm sứ: sản xuất, thương mại dịch vụ, du lịch, đang kinh doanh hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Tôn chỉ của Hội: Vì sự phát triển của ngành Gồm sứ Bát tràng theo hướng bảo tồn văn hóa dân tộc kết hợp với tinh hoa văn hóa thế giới; thực hiện tư vấn về tổ chức, pháp lý; sản xuất, kinh doanh đúng hướng theo quy định của pháp luật, hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế xã hội của cá nhân, tổ chức, địa phương, thành phố, đất nước.

3. Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ hội viên, giúp đỡ nhau đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh làm giàu hợp pháp cùng thúc đẩy ngành Gồm sứ Bát tràng thành phố Hà Nội và Việt Nam phát triển, hội nhập quốc tế.

Điều 3. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động

1. Hội hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh liên quan đến gồm sứ; phạm vi hoạt động trong địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Hội tổ chức hoạt động theo Điều lệ được UBND thành phố Hà Nội phê chuẩn; chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Công Thương và các sở, ban, ngành của Thành phố có liên quan về lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Hội tổ chức và hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm về kinh phí, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, không hoạt động sản xuất kinh doanh, không can thiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các hội viên.

Điều 5. Tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng và được mở tài khoản riêng để giao dịch, hoạt động theo quy định của pháp luật.
2. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Hà Nội.

Chương II

NHIỆM VỤ, NGHĨA VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 6. Nhiệm vụ

1. Tuyên truyền, tôn chỉ, mục đích; tập hợp, đoàn kết, phát triển hội viên. Tương trợ, giúp đỡ, giải quyết các khó khăn, kinh nghiệm trong các vấn đề về kỹ thuật, công tác quản lý, kinh doanh, tiếp cận thị trường, tiêu thụ sản phẩm, sử dụng nhân công, khai thác thu mua nguyên liệu, phát triển mở rộng sản xuất, kinh doanh về gôm sứ, đảm bảo nguyên tắc hài hòa giữa lợi ích chung của toàn hội và lợi ích riêng từng hội viên, góp phần xây dựng Hội ngày càng phát triển và phát triển bền vững.

2. Tích cực tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật; thường xuyên kiểm tra và giám sát các hoạt động của Hội để luôn đảm bảo tuân theo pháp luật và quy định hiện hành.

3. Tuyên truyền, vận động hội viên phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh, tham gia chương trình xúc tiến thương mại mậu dịch thông qua các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước.

4. Tập hợp ý kiến nguyện vọng của hội viên để phản ánh, kiến nghị, đề xuất với các cấp lãnh đạo của Đảng, chính quyền, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề cơ chế, chính sách liên quan đến ngành Gôm sứ.

5. Tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho hội viên kiến thức, thông tin về tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, bản quyền kiểu dáng công nghiệp, chuyển giao công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, sản xuất sản phẩm mới, nâng cao thương hiệu, chất lượng sản phẩm, các dự án về tín dụng ưu đãi, thông tin thị trường, ... về lĩnh vực gôm sứ.

6. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ nghệ nhân, thợ lành nghề, đội ngũ doanh nghiệp và người lao động về kiến thức, năng lực quản lý, kỹ thuật sản xuất, kinh doanh về lĩnh vực gôm sứ.

7. Tham gia hợp tác với các hội trong nước và quốc tế, tìm kiếm và tiếp nhận các nguồn hỗ trợ, tài trợ, dự án kinh tế - xã hội của cơ quan nhà nước, các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để phát triển nghề và làng nghề truyền thống Gốm sứ Bát Tràng.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền hạn

1. Được quyền đàm phán, ký kết với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài về lĩnh vực gốm sứ theo quy định của pháp luật. Tham gia và tổ chức các hội nghị trong nước, nước ngoài về sản xuất, kinh doanh gốm sứ theo quy định của pháp luật.

2. Được tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp quy có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của Hội, của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội và các quy định của pháp luật.

4. Quản lý và sử dụng kinh phí của Hội theo đúng quy định; được gây quỹ trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí, xây dựng cơ sở vật chất của Hội và giúp đỡ hội viên.

5. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

6. Được thành lập, giải thể các tổ chức, đơn vị pháp nhân trực thuộc Hội; điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ thành lập các tổ chức, đơn vị pháp nhân trực thuộc Hội thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 11/2010/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Điều 8. Nghĩa vụ

1. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Trước khi tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường ba mươi ngày (30 ngày), Ban chấp hành Hội phải có văn bản báo cáo với UBND Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Công thương và thực hiện nội dung báo cáo theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 2, Thông tư số 11/2010/TT-BNV ngày 26/11/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

3. Hàng năm, thực hiện chế độ báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với UBND Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Công thương và các sở, ban, ngành liên quan, đảm bảo thời gian và chất lượng; đồng thời báo cáo công khai trong Hội.

4. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

5. Thực hiện hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp, cạnh tranh không lành mạnh giữa các hội viên; thực hiện giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật hội viên do Hội quyết định theo quy định của Điều lệ Hội, pháp luật và báo cáo kết quả giải quyết, xử lý với UBND Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Công thương Hà Nội.

6. Thực hiện tiếp nhận, sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và báo cáo việc tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đối với các cơ quan chức năng của Thành phố.

7. Việc sử dụng kinh phí của Hội phải chấp hành quy định của pháp luật Hàng năm Hội phải báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi Sở Tài chính và UBND Thành phố, các sở, ban, ngành có liên quan.

8. Thực hiện quy định của pháp luật về công tác văn thư lưu trữ, bao gồm:

a) Lập hồ sơ danh sách hội viên, các đơn vị trực thuộc Hội, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, các tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội, sổ ghi biên bản các cuộc họp của Ban chấp hành, Thường trực Ban chấp hành, của Hội và lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của Hội;

b) Xác định thời hạn lưu giữ và hủy tài liệu hồ sơ đã hết thời hạn, đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

9. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 9. Hội viên

Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự.

1. Hội viên chính thức: Các pháp nhân, công dân Việt Nam đang hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp về lĩnh vực gốm sứ trên địa bàn thành phố tại Hà Nội, tự nguyện tham gia, tán thành Điều lệ và đóng hội phí đầy đủ được Ban chấp hành Hội xét, kết nạp thành hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên liên kết: Các pháp nhân, công dân Việt Nam không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức, đang hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp trên phạm vi toàn quốc, với tinh thần tự nguyện giúp đỡ về tài chính, công

sức, trí tuệ, tán thành Điều lệ Hội, có thể được Ban chấp hành Hội xét kết nạp là hội viên liên kết của Hội.

3. Hội viên danh dự: Hội viên danh dự của Hội gồm các nhà hoạt động xã hội, các nhà hoạt động trong lĩnh vực gốm sứ hoặc liên quan đến gốm sứ ở Việt Nam có những đóng góp tiêu biểu cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội được Ban lãnh đạo Hội nhất trí mời. Hội viên danh dự không phải đóng lệ phí gia nhập và hội phí hàng năm.

4. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào ban lãnh đạo, ban kiểm tra Hội.

5. Hội viên có đủ điều kiện muốn gia nhập Hội phải làm đơn (theo mẫu quy định). Tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục theo quy định do Ban Chấp hành Hội quy định.

Điều 10. Quyền hạn của hội viên

1. Hội viên được thông tin, trao đổi thông tin về tình hình hoạt động mọi mặt của Hội; được bồi dưỡng nâng cao kiến thức về pháp luật, về doanh nghiệp, trao đổi kinh nghiệm trong quản lý, sản xuất, kinh doanh.

2. Hội viên được thảo luận, phê bình, chất vấn, kiến nghị và biểu quyết các công việc, chương trình, kế hoạch của Hội; được ứng cử, đề cử, bầu cử vào Ban chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội (riêng hội viên liên kết, hội viên danh dự bị giới hạn một số quyền được quy định tại khoản 4, điều 9 quy định này).

4. Được hội giúp đỡ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chăm lo về đời sống vật chất, tinh thần; được thăm hỏi động viên khi ốm đau, khi có công việc buồn, vui.

5. Được hỗ trợ, giúp đỡ trong hoạt động kinh tế, tham quan, khảo sát ở trong nước và ngoài nước (tùy thuộc vào điều kiện tài chính của Hội); tham gia các hội chợ, triển lãm, gốm sứ theo quy định của Hội;

6. Được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng các danh hiệu nghề nghiệp và các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các hoạt động của hội.

Điều 11. Nghĩa vụ của hội viên

1. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, tổ chức, chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước.

2. Chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của Hội, tích cực tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng tài chính kinh tế của Hội ngày càng phát triển.

3. Đóng hội phí đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Hội.

4. Cung cấp thông tin, số liệu cần thiết phục vụ cho hoạt động của Hội.

5. Tích cực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, liên doanh liên kết về gồm sứ theo quy định của pháp luật, đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau để thực hiện tôn chỉ, mục đích của Hội.

6. Tích cực tuyên truyền phát triển hội viên.

7. Không được lợi dụng danh nghĩa của Hội để tiến hành các hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Hội, gây tổn thất cho các hội viên và uy tín của Hội, không được thực hiện các hoạt động cạnh tranh thiếu lành mạnh,... Hội viên tự chịu trách nhiệm trước mọi hành động vi phạm luật pháp Nhà nước.

Điều 12. Thẻ thức vào Hội, ra Hội

1. Kết nạp hội viên:

a) Ban chấp hành Hội xét và quyết định công nhận hội viên chính thức, hội viên liên kết, hội viên danh dự; Tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ, thủ tục, quy trình kết nạp hội viên mới, quy định miễn hội phí đối với hội viên do Ban Chấp hành Hội quyết định.

b) Ban chấp hành Hội ủy quyền cho các chi hội tổ chức kết nạp, công bố quyết định kết nạp hội viên.

2. Thẻ thức xin ra khỏi Hội:

a) Hội viên xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục là hội viên của Hội, phải làm đơn xin ra khỏi Hội và gửi tới Ban chấp hành Hội;

b) Hội viên xin ra khỏi Hội được Chi hội cơ sở, Ban chấp hành Hội chấp thuận thì xóa tên khỏi danh sách hội viên;

c) Hội viên xin ra khỏi Hội phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Hội trong thời gian là hội viên của Hội.

Điều 13. Xóa tên hội viên

Hội viên sẽ xóa tên trong các trường hợp sau đây:

1. Không hoạt động liên quan đến ngành gồm sứ hoặc có đơn xin ra khỏi hội.

2. Hội viên từ trần hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc vi phạm pháp luật hoặc bị truy tố mất quyền công dân; doanh nghiệp bị giải thể hoặc bị phá sản;

3. Theo quyết định của Ban Chấp hành trong các trường hợp sau:

a) Hội viên không thực hiện đúng hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của Hội hoặc pháp luật Việt Nam;

b) Hội viên hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Hội gây tổn hại về uy tín, danh dự hoặc tài chính của Hội.

4. Hội giải thể theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chương IV TỔ CHỨC HỘI

Điều 14. Tổ chức của Hội

1. Đại hội toàn thể hội viên hoặc đại hội đại biểu.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Kiểm tra.
4. Các tổ chức, đơn vị khác trực thuộc Hội.

Điều 15. Đại hội nhiệm kỳ, hội nghị thường niên và đại hội bất thường

1. Đại hội nhiệm kỳ là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, do Ban Chấp hành triệu tập. Nhiệm kỳ đại hội 5 năm/1 lần.

2. Hội nghị giữa nhiệm kỳ tổ chức 2 năm rưỡi một lần.

3. Hội nghị thường niên được tổ chức 12 tháng 1 lần để tổng kết đánh giá hoạt động của Hội trong năm, biểu dương thành tích và trao thưởng tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho Hội.

4. Đại hội bất thường do Ban Chấp hành triệu tập theo đề nghị của ít nhất 2/3 tổng số uỷ viên Ban chấp hành hoặc ít nhất trên một phần hai (1/2) tổng số hội viên chính thức đề nghị để giải quyết những vấn đề về tổ chức, nội dung, phương hướng hoạt động của Hội vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành.

5. Đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Hình thức, số lượng và cơ cấu đại biểu do Ban Chấp hành Hội quyết định, căn cứ vào tỷ lệ hội viên ở các khu vực.

6. Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu được coi là hợp lệ khi có ý kiến cho phép tổ chức đại hội của cơ quan có thẩm quyền và có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

7. Nội dung quyết định tại Đại hội nhiệm kỳ:

- a) Thông qua báo cáo hoạt động của Hội, Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra trong nhiệm kỳ qua và chương trình hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ tới;
- b) Thông qua báo cáo tài chính của Hội;
- c) Quyết định chiến lược, phương hướng và nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ tới;
- d) Bầu Ban chấp hành, Ban Kiểm tra; (số lượng do Đại hội quyết định);
- đ) Quyết định sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ Hội (nếu có);
- e) Quyết định mức hội phí của hội viên;
- g) Quyết định về cơ cấu, tổ chức, thành lập, giải thể các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội; các vấn đề khác vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành.

8. Nguyên tắc hoạt động của đại hội:

a) Khi triệu tập đại hội, Ban chấp hành phải công bố chương trình nghị sự, quyết định về số lượng và cơ cấu đại biểu và hướng dẫn hội viên bầu đại biểu (nếu đại hội đại biểu) ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến tổ chức đại hội.

b) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

c) Việc biểu quyết thông qua nghị quyết, quyết định của đại hội phải được quá $\frac{1}{2}$ (một phần hai) hội viên chính thức có mặt tán thành.

Trường hợp vắng mặt, đại biểu được quyền gửi ý kiến tham gia bằng văn bản và có giá trị như đại biểu có mặt tại Đại hội.

Cách thức, nội dung, thông tin gửi xin ý kiến đối với đại biểu vắng mặt do Ban chấp hành hội quy định đảm bảo tính khách quan, trung thực, đầy đủ.

Điều 16. Ban chấp hành Hội

1. Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo điều hành mọi hoạt động của Hội trong thời gian giữa hai kỳ đại hội. Ban chấp hành có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của đại hội. Ban chấp hành do đại hội nhiệm kỳ bầu. Nếu được đại hội ủy quyền, Ban chấp hành bầu Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên Ban chấp hành; Trưởng ban kiểm tra, phó ban kiểm tra, ủy viên ban kiểm tra.

2. Ban chấp hành họp thường kỳ 03 tháng một lần để xem xét, đánh giá tình hình hoạt động của Hội, bàn bạc và quyết định các giải pháp cần thiết để thực hiện các quyết định, nghị quyết của Đại hội. Khi cần thiết, Ban chấp hành có thể họp bất thường theo triệu tập của Chủ tịch hội nhưng phải có ít nhất $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) số ủy viên Ban chấp hành đề nghị.

3. Nhiệm vụ của Ban chấp hành:

a) Lãnh đạo, tổ chức thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội;

b) Quyết định chương trình công tác và kế hoạch hàng năm của Hội; quy định cách thức thu phí;

c) Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ và xây dựng phương hướng của nhiệm kỳ tới;

d) Bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch hội, Tổng thư ký hội; bầu bổ sung ủy viên Ban chấp hành (nếu cần thiết);

4. Trong quá trình hoạt động, nếu vì nhiều lý do khác nhau, số ủy viên Ban chấp hành không còn đủ như quy định của Đại hội, Ban Chấp hành có thể bầu bổ sung số ủy viên thiếu (trong số các hội viên chính thức của Hội) nhưng không vượt quá $\frac{1}{3}$ số lượng ủy viên Ban Chấp hành mà đại hội quy định;

a) Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền quy chế hoạt động, quy chế quản lý tài chính, quy chế khác theo quy định và xây dựng Điều lệ Hội trình Đại hội thông qua và trình UBND Thành phố phê chuẩn;

b) Triệu tập Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường; quyết định việc tổ chức Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên; chuẩn bị các nội dung và các vấn đề khác của Đại hội;

c) Xét kết nạp, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, xóa tên hội viên; giải quyết kiến nghị, khiếu nại của hội viên.

5. Nguyên tắc hoạt động của Ban chấp hành

a) Cuộc họp của Ban chấp hành được xem là hợp lệ khi có ít nhất trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số lượng ủy viên Ban chấp hành tham dự. Biểu quyết trong Ban chấp hành theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo Chủ tịch Hội hoặc người chủ trì hội nghị;

b) Việc biểu quyết theo nguyên tắc quá bán (trên $\frac{1}{2}$ số ủy viên có mặt). Riêng đối với các vấn đề quan trọng sau đây, phải được ít nhất $\frac{2}{3}$ số ủy viên Ban chấp hành có mặt thông qua:

- Miễn nhiệm một số thành viên trong Ban chấp hành;
- Các vấn đề liên quan đến hội viên.
- Các vấn đề về tổ chức của Hội.

Điều 17. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký

1. Chủ tịch Hội do Ban chấp hành bầu ra, là người đứng đầu Ban chấp hành, người đại diện của Hội trước pháp luật, là chủ tài khoản của Hội. Chủ tài khoản có thể ủy quyền cho thành viên Ban chấp hành là chủ tài khoản thứ hai. Quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch Hội được Ban chấp hành quy định cụ thể.

2. Các Phó Chủ tịch Hội do Ban chấp hành bầu ra, là người giúp Chủ tịch phụ trách điều hành một số lĩnh vực công tác cụ thể, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội về một số lĩnh vực công tác do Chủ tịch phân công. Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, Phó Chủ tịch thường trực được ủy quyền điều hành hoạt động của Hội.

3. Tổng thư ký Hội do Ban chấp hành bầu; là người làm việc chuyên trách, am hiểu hoạt động công tác hội, có nhiệm vụ chuẩn bị nội dung các cuộc họp; ghi chép nội dung các cuộc họp của Ban chấp hành, các cuộc họp của Hội. Nhiệm vụ cụ thể của Tổng thư ký do Ban chấp hành, Chủ tịch Hội quy định.

Điều 18. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm 3 đến 5 thành viên, gồm trưởng ban, phó trưởng ban và ủy viên do Đại hội bầu ra trong số các hội viên của Hội. Trưởng ban kiểm tra do Ban kiểm tra đề cử. Ban kiểm tra có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Ban chấp hành Hội.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ; Nghị quyết của đại hội, Ban chấp hành;

b) Kiểm tra tư cách hội viên;

c) Kiểm tra, giám sát việc quản lý tài chính, tài sản và báo cáo kết quả trước Chủ tịch Hội, Ban chấp hành, hội nghị hàng năm và trước Đại hội.

d) Tiếp nhận, xem xét, kiến nghị với Ban chấp hành giải quyết khiếu nại, tố cáo của hội viên và nhân dân có liên quan đến hội viên và tổ chức Hội.

đ) Báo cáo kết quả hoạt động giám sát, kiểm tra trong các kỳ họp của Ban chấp hành Hội;

e) Có quyền yêu cầu Ban Chấp hành tổ chức phiên họp bất thường, hoặc tổ chức đại hội bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Hội.

Chương V

GIẢI THỂ, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT

Điều 19. Giải thể Hội

1. Hội giải thể trong các trường hợp:

a) Tự giải thể;

b) Do cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thể.

2. Hội tự giải thể khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn hoạt động;

b) Theo đề nghị và biểu quyết thông qua của trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số hội viên chính thức;

c) Mục đích của Hội đã hoàn thành.

3. Trình tự và thủ tục khi Hội tự giải thể thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo quy định tại Điều 27, Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Hội chấm dứt hoạt động kể từ ngày quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể Hội có hiệu lực.

4. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

a) Hội không hoạt động liên tục 12 tháng;

b) Khi có nghị quyết của Đại hội về việc Hội tự giải thể mà BCH Hội không chấp hành;

c) Hoạt động của Hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Điều 20. Thanh quyết toán tài sản, tài chính

Tài sản, tài chính và các khoản nợ tồn đọng của Hội khi giải thể sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Hội

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Hội sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các vấn đề về tài sản, quyền và lợi ích, trách nhiệm, nghĩa vụ và các vấn đề tài chính khác của Hội liên quan đến hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hội sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HIỆP HỘI

Điều 22. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Hội hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, lấy thu bù chi.

2. Thực hiện thu, chi theo Quy chế quản lý về tài chính, Quy chế hoạt động của Hội và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 23. Quản lý tài chính của Hội

1. Các nguồn thu của Hội:

- a) Tiền hội phí của các hội viên;
- b) Các nguồn thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- c) Các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Các khoản chi của Hội gồm:

a) Chi cho các hoạt động thường xuyên của hội: chi trả lương cho cán bộ, nhân viên chuyên trách, mua sắm trang thiết bị làm việc cần thiết, chi khen thưởng,....;

b) Các khoản chi cần thiết khác phục vụ hoạt động của Hội.

3. Việc quản lý tài chính của Hội phải được thực hiện theo chế độ thống nhất, theo Quy chế quản lý tài chính do Ban chấp hành Hội quy định; tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán thống kê. Các khoản thu, chi của Hội phải tiết kiệm, đúng mục đích, hiệu quả, được phản ánh trên hệ thống sổ sách kế toán theo quy định, thực hiện báo cáo công khai tại hội nghị thường kỳ hàng năm của Ban chấp hành Hội, Đại hội.

4. Cán bộ thực hiện nghiệp vụ kế toán của Hội phải đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn để giúp Chủ tịch Hội thực hiện hoạt động quản lý tài chính của Hội đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

Hội viên có thành tích xuất sắc đóng góp cho hoạt động của Hội được Ban chấp hành Hội quyết định khen thưởng hàng năm hoặc đề nghị các cơ quan nhà nước khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Kỷ luật

1. Hội viên vi phạm Điều lệ, không thực hiện Nghị quyết, quyết định của Ban chấp hành Hội, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín và quyền lợi của Hội sẽ tùy theo mức độ nặng, nhẹ phải chịu hình thức kỷ luật từ cảnh cáo đến tạm đình chỉ sinh hoạt hoặc khai trừ ra khỏi Hội, thu thẻ hội viên.

2. Hội viên bị kỷ luật khai trừ ra khỏi Hội phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Hội khi còn là hội viên.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội của Hội Gốm sứ Bát tràng thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ và phải được UBND Thành phố Hà Nội phê chuẩn.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Bản Điều lệ này có 08 Chương 27 Điều đã được Đại hội hội viên của Hội Gốm sứ Bát tràng thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2011-2016 nhất trí thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2011 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được UBND thành phố Hà Nội phê chuẩn. /.



Nguyễn Thị Bích Ngọc